

THỰC TRẠNG VÀ NHU CẦU THĂNG HẠNG CHỨC DANH NGHỀ NGHIỆP VIÊN CHỨC
(Kèm theo Đề án số 01/ĐA-SGDĐT ngày 18/6/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo)

TT	Đơn vị/Vị trí việc làm	Số biên chế được giao	Số lượng viên chức hiện có					Cơ cấu tỷ lệ % CDNN viên chức theo vị trí việc làm					Nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng còn thiếu so với cơ cấu tỷ lệ %				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng đề nghị phê duyệt				Số lượng viên chức đăng ký xét thăng hạng				Chi chú
			Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	
	Tổng cộng	6.353	6.139	11	154	5.641	333	6.131	548	3.211	2.299	73	3.703	22	3.548	133	3.703	22	3.548	133	3.927	22	3.772	133	
	QUẢN LÝ		314	10	15	286	3	313	18	289	6		261	7	251	3	261	7	251	3	261	7	251	3	
	GIÁO VIÊN	3.495	5.382	1	139	5.225	17	5.375	530	2.884	1.961		3.285	15	3.260	10	3.285	15	3.260	10	3.509	15	3.484	10	
	NHÂN VIÊN		443			130	313	443		38	332	73	157		37	120	157		37	120	157		37	120	
1	Trường Phổ thông DTNT THPT Phú Yên	37	37		2	33	2	37	4	19	14		23	2	20	1	23	2	20	1	30	2	27	1	
	QUẢN LÝ		3		1	2		3	1	2			3	1	2		3	1	2		3	1	2		
	GIÁO VIÊN		31		1	30		31	3	17	11		19	1	18		19	1	18		26	1	25		
	NHÂN VIÊN		3			1	2	3			3		1			1	1			1	1		1		1
2	Trường THPT chuyên Lương Văn Chánh	87	86	1	1	84		86	9	43	34		50		50		50		50		65		65		
	QUẢN LÝ		3	1		2		3	1	2			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		79		1	78		79	8	41	30		48		48		48		48		63		63		
	NHÂN VIÊN		4			4		4			4														
3	Trường THPT Ngô Gia Tự	85	85			84	1	85	8	44	32	1	52		52		52		52		64		64		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
2	GIÁO VIÊN		80			80		80	8	41	31		49		49		49		49		61		61		
	NHÂN VIÊN		2			1	1	2			1	1													
4	Trường THPT Nguyễn Huệ	104	104	1		101	2	104	10	53	40	1	63		62	1	63		62	1	87		86	1	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		97	1		96		97	10	50	37		59		59		59		59		83		83		
	NHÂN VIÊN		4			2	2	4			3	1	1			1	1			1	1		1		1
5	Trường THPT Nguyễn Trãi	84	82			81	1	82	8	42	32		50		50		50		50		77		77		
	QUẢN LÝ		2			2		2		2			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		77			77		77	8	40	29		48		48		48		48		75		75		
	NHÂN VIÊN		3			2	1	3			3														
6	Trường THPT Nguyễn Trường Tộ	58	58			56	2	58	5	31	22		38		36	2	38		36	2	47		45	2	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		52			52		52	5	27	20		32		32		32		32		41		41		
	NHÂN VIÊN		3			1	2	3		1	2		3		1	2	3		1	2	3		1	2	
7	Trường THPT Nguyễn Công Trứ	55	55			54	1	55	5	29	20	1	33		33		33		33		37		37		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		49			49		49	5	26	18		31		31		31		31		35		35		
	NHÂN VIÊN		3			2	1	3			2	1													
8	Trường THPT Nguyễn Văn Linh	80	80			79	1	80	7	42	31		49		48	1	49		48	1	67		66	1	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		74			74		74	7	38	29		45		45		45		45		63		63		
	NHÂN VIÊN		3			2	1	3		1	2		2		1	1	2		1	1	2		1	1	

TT	Đơn vị/Vị trí việc làm	Số biên chế được giao	Số lượng viên chức hiện có					Cơ cấu tỷ lệ % CDNN viên chức theo vị trí việc làm					Nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng còn thiếu so với cơ cấu tỷ lệ %				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng đề nghị phê duyệt				Số lượng viên chức đăng ký xét thăng hạng				Ghi chú
			Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	
9	Trường Lê Trung Kiên	74	74			73	1	74	7	38	28	1	45		44	1	45		44	1	57		56	1	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		68			68		68	7	35	26		42		42		42		42		54		54		
	NHÂN VIÊN		3			2	1	3			2	1	1			1				1	1			1	
10	Trường THPT Phan Đình Phùng	70	69			67	2	69	6	36	26	1	43		42	1	43		42	1	52		51	1	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		63			63		63	6	33	24		39		39		39		39		48		48		
	NHÂN VIÊN		3			1	2	3			2	1	1			1				1	1			1	
11	Trường THCS và THPT Võ Nguyên Giáp	37	34		11	22	1	34	3	18	13		10		9	1	10		9	1	11		10	1	
	QUẢN LÝ		3		1	2		3		3			1		1		1		1		1		1		
	GIÁO VIÊN		29		10	19		29	3	15	11		8		8		8		8		8		8		
	NHÂN VIÊN		2			1	1	2			2		1			1				1	2		1	1	
12	Trường THPT Phan Chu Trinh	66	59			59		59	5	31	22		36		36		36		36		43		43		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		53			53		53	5	27	20		32		32		32		32		39		39		
	NHÂN VIÊN		3			3		3		1	2		1		1		1		1		1		1		
13	Trường THCS và THPT Nguyễn Khuyến	51	50		22	28		50	5	26	19		10	5	5		10	5	5		23	5	18		
	QUẢN LÝ		3		1	2		3	1	2			3	1	2		3	1	2		3	1	2		
	GIÁO VIÊN		47		21	26		47	4	24	19		7	4	3		7	4	3		20	4	16		
	NHÂN VIÊN																								
14	Trường THPT Võ Thị Sáu	51	51			49	2	51	4	27	20		33		31	2	33		31	2	42		40	2	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		44			44		44	4	23	17		27		27		27		27		36		36		
	NHÂN VIÊN		4			2	2	4		1	3		3		1	2	3		1	2	3		1	2	
15	Trường THPT Trần Phú	64	64			63	1	64	6	33	25		40		39	1	40		39	1	53		52	1	
	QUẢN LÝ		2			2		2		2			2		2		2		2		2	0	2		
	GIÁO VIÊN		59			59		59	6	30	23		36		36		36		36		49		49		
	NHÂN VIÊN		3			2	1	3		1	2		2		1	1	2		1	1	2		1	1	
16	Trường THPT Lê Thành Phương	80	78			78		78	7	41	30		48		48		48		48		56		56		
1	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
2	GIÁO VIÊN		71			71		71	7	37	27		44		44		44		44		52		52		
	NHÂN VIÊN		4			4		4		1	3		1		1		1		1		1		1		
17	Trường THCS và THPT Nguyễn Viết Xuân	51	51		23	25	3	50	4	26	19	1	10	4	4	2	10	4	4	2	24	4	18	2	
	QUẢN LÝ		2		1	1		1		1			1		1		1		1		1		1		
	GIÁO VIÊN		46		22	24		46	4	25	17		7	4	3		7	4	3		21	4	17		
	NHÂN VIÊN		3			3	3	3			2	1	2			2	2			2	2			2	
18	Trường THPT Phạm Văn Đồng	58	58			56	2	58	5	31	22		38		36	2	38		36	2	53		51	2	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		51			51		51	5	27	19		33		33		33		33		48		48		
	NHÂN VIÊN		4			2	2	4		1	3		2			2	2			2	2			2	
19	Trường THPT Lê Hồng Phong	95	95			95		95	9	49	36	1	55		55		57		57		62		62		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3					2		2		2		2		2		

TT	Đơn vị/Vị trí việc làm	Số biên chế được giao	Số lượng viên chức hiện có					Cơ cấu tỷ lệ % CDNN viên chức theo vị trí việc làm					Nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng còn thiếu so với cơ cấu tỷ lệ %				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng đề nghị phê duyệt				Số lượng viên chức đăng ký xét thăng hạng				Ghi chú	
			Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III		
	GIÁO VIÊN		89			89			89	9	46	34		55		55		55		55		60		60		
	NHÂN VIÊN		3			3			3		2	1														
20	Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai	71	71			69	2		71	6	37	27	1	44		43	1		44		43	1	44		43	1
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3		3		3	
	GIÁO VIÊN		65			65			65	6	33	26		39		39			39		39		39		39	
	NHÂN VIÊN		3			1	2		3		1	1	1	2		1	1		2		1	1	2		1	1
21	Trường THPT Trần Bình Trọng	48	48			47	1		48	4	26	18		30		29	1		30		29	1	34		33	1
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			2		2			2		2		2		2	
	GIÁO VIÊN		43			43			43	4	23	16		27		27			27		27		31		31	
	NHÂN VIÊN		2			1	1		2			2		1			1		1			1			1	
22	Trường THPT Trần Суyền	67	67			66	1		67	6	35	26		42		41	1		42		41	1	54		53	1
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3		3		3	
	GIÁO VIÊN		61			61			61	6	32	23		38		38			38		38		50		50	
	NHÂN VIÊN		3			2	1		3			3		1			1		1			1		1		1
23	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	68	68			68			68	6	36	26		42		42			42		42		30		30	
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3		3		3	
	GIÁO VIÊN		63			63			63	6	33	24		39		39			39		39		27		27	
	NHÂN VIÊN		2			2			2			2														
24	Trường THPT Lê Lợi	66	66			64	2		66	6	34	25	1	40		40			40		40		53		53	
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3		3		3	
	GIÁO VIÊN		60			60			60	6	31	23		37		37			37		37		50		50	
	NHÂN VIÊN		3			1	2		3			2	1													
25	Trường THPT Nguyễn Thái Bình	42	42			39	3		42	3	23	15	1	28		26	2		28		26	2	39		37	2
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3		3		3	
	GIÁO VIÊN		36			36			36	3	20	13		23		23			23		23		34		34	
	NHÂN VIÊN		3				3		3			2	1	2			2		2			2	2		2	
26	Trường THCS VÀ THPT Chu Văn An	57	57			11	45	1	57	6	29	21	1	25		24	1		25		24	1	37		36	1
	QUẢN LÝ		3			1	2		3	1	2			2		2			2		2		2		2	
	GIÁO VIÊN		53			10	43		53	5	27	21		22		22			22		22		34		34	
	NHÂN VIÊN		1				1	1					1			1	1					1	1		1	
27	Trường THPT Phan Bội Châu	68	67			66	1		67	6	35	26		42		41	1		42		41	1	54		53	1
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3		3		3	
	GIÁO VIÊN		62			62			62	6	31	25		37		37			37		37		49		49	
	NHÂN VIÊN		2			1	1		2		1	1		2		1	1		2		1	1	2		1	1
28	Trường THCS và THPT Nguyễn Bá Ngọc	34	34			9	23	2	34	3	18	12	1	13		12	1		13		12	1	22		21	1
	QUẢN LÝ		2			1	1		2		2			1		1			1		1		1		1	
	GIÁO VIÊN		30			8	22		30	3	16	11		11		11			11		11		20		20	
	NHÂN VIÊN		2				2	2				1	1	1		1	1				1	1			1	
29	Trường THCS và THPT Nguyễn Trung Trực	44	40			13	25	2	40	3	21	16		13	3	8	2		13	3	8	2	26	3	21	2
	QUẢN LÝ		2			1	1		2		2			1		1			1		1		1		1	
	GIÁO VIÊN		36			12	24		36	3	19	14		10	3	7			10	3	7		23	3	20	
	NHÂN VIÊN		2				2	2				2		2		2			2		2		2		2	

TT	Đơn vị/Vị trí việc làm	Số biên chế được giao	Số lượng viên chức hiện có					Cơ cấu tỷ lệ % CDNN viên chức theo vị trí việc làm					Nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng còn thiếu so với cơ cấu tỷ lệ %				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng đề nghị phê duyệt				Số lượng viên chức đăng ký xét thăng hạng				Ghi chú
			Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	
30	Trường THPT Nguyễn Du	57	54			53	1	54	5	28	20	1	34		33	1	34		33	1	49		48	1	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		50			50		50	5	25	20		30		30		30		30		45		45		
	NHÂN VIÊN		1			1		1			1		1		1		1		1		1		1		
31	Trường THPT Tôn Đức Thắng	30	29			29		29	2	16	11		18		18		18		18		19		19		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		24			24		24	2	13	9		15		15		15		15		16		16		
	NHÂN VIÊN		2			2		2		2			2		2		2		2		2		2		
32	Trường THCS và THPT Võ Văn Kiệt	34	30		16	13	1	30	2	15	12	1	2		2		2		2		9		9		
	QUẢN LÝ		2		1	1		2		1	1		1		1		1		1		1		1		
	GIÁO VIÊN		26		15	11		26	2	14	10		1		1		1		1		8		8		
	NHÂN VIÊN		2			1	1	2			1	1													
33	Trung tâm HTPTGDHN Phú Yên	20	19		6	11	2	19	1	10	7	1	5		5		5		5		9		9		
	QUẢN LÝ		1			1		1		1			1		1		1		1		1		1		
	GIÁO VIÊN		16		6	9	1	16	1	9	6		4		4		4		4		8		8		
	NHÂN VIÊN		2			1	1	2			1	1													
34	Trung tâm GDNN-GDTX Phú Yên		12	1		11		12	1	9	2		8		8		8		8		4		4		
	QUẢN LÝ		5	1		4		5	1	4			3		3		3		3		3		3		đơn vị tự chủ nhóm 1
	GIÁO VIÊN		7			7		7		5	2		5		5		5		5		1		1		
	NHÂN VIÊN																								
35	Trung tâm GDNN-GDTX Tây Hòa	15	13			12	1	13	1	8	4		9		7	2	9		7	2	5		3	2	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			1		1		1		1		1		1		
	GIÁO VIÊN		8			8		8	1	5	2		7		6	1	7		6	1	3		2	1	
	NHÂN VIÊN		2			1	1	2			2		1		1	1		1		1	1		1		
36	Trung tâm GDNN-GDTX Sông Hinh	19	19			15	4	19	1	9	9		14		10	4	14		10	4	4		4		
	QUẢN LÝ		2			2		2		2															
	GIÁO VIÊN		13			11	2	13	1	9	3		12		10	2	12		10	2	2		2		
	NHÂN VIÊN		4			2	2	4			4		2		2	2		2		2	2		2		
37	Trung tâm GDNN-GDTX Đông Hòa	6	5			5		5		3	2		3		3		3		3		2		2		
	QUẢN LÝ																								
	GIÁO VIÊN		5			5		5		3	2		3		3		3		3		2		2		
	NHÂN VIÊN																								
38	Trung tâm GDNN-GDTX Phú Hòa	17	15			13	2	15	1	9	4	1	9		8	1	9		8	1	4		3	1	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			1		1		1		1		1		1		
	GIÁO VIÊN		10			10		10	1	6	3		7		7		7		7		2		2		
	NHÂN VIÊN		2			2	2	2			1	1	1		1	1		1		1	1		1		
39	Trung tâm GDNN - GDTX Đông Xuân	16	12			9	3	12	1	7	4		8		6	2	8		6	2	2		2		
	QUẢN LÝ		2			2		2		2															
	GIÁO VIÊN		8			7	1	8	1	5	2		7		6	1	7		6	1	1		1		
	NHÂN VIÊN		2			2	2	2			2		1		1	1		1		1	1		1		
40	Trung tâm GDNN - GDTX Sông Cầu	17	12			12		12	1	7	4		7		6	1	7		6	1	1		1		

TT	Đơn vị/Vị trí việc làm	Số biên chế được giao	Số lượng viên chức hiện có					Cơ cấu tỷ lệ % CDNN viên chức theo vị trí việc làm					Nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng còn thiếu so với cơ cấu tỷ lệ %				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng đề nghị phê duyệt				Số lượng viên chức đăng ký xét thăng hạng				Ghi chú		
			Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III			
	QUẢN LÝ		2			2		2		2																	
	GIÁO VIÊN		8			8		8	1	5	2			7		6	1	7		6	1	1			1		
	NHÂN VIÊN		2			2		2			2																
41	Trung tâm GDNN - GDTX Tuy An	15	10			8	2	10		6	4			7		6	1	7		6	1	5			4	1	
	QUẢN LÝ		1			1		1		1				1		1		1		1		1			1		
	GIÁO VIÊN		8			7	1	8		5	3			5		5		5		5		3			3		
	NHÂN VIÊN		1			1		1		1				1		1		1		1		1			1		
42	Trường Trung cấp nghề Thanh niên dân tộc Phú Yên	21	21			17	4	21	2	10	9			17		12	5	17		12	5	5			5		
	QUẢN LÝ		1			1	1	1		1				1		1	1	1		1	1	1			1		
	GIÁO VIÊN		17			17		17	2	10	5			13		12	1	13		12	1	1			1		
	NHÂN VIÊN		3			3	3	3		3				3		3		3		3	3	3			3		
43	Trung tâm Giáo dục thường xuyên tỉnh	19			1	13	5	19	3	11	5			13		13		13		13		11			11		đơn vị tự chủ nhóm 1
	QUẢN LÝ		3			3		3		3				3		3		3		3		3			3		
	GIÁO VIÊN		16		1	10	5	16	3	8	5			10		10		10		10		8			8		
	NHÂN VIÊN																										
44	Trung tâm GDNN-GDTX Buôn Ma Thuật	18	17			15	2	17	1	10	6			12		11	1	12		11	1	9			8	1	
	QUẢN LÝ		2			2		2		2				2		2		2		2		2			2		
	GIÁO VIÊN		13			13		13	1	8	4			9		9		9		9		6			6		
	NHÂN VIÊN		2			2	2	2		2				1		1	1	1		1	1	1			1		
45	Trung tâm GDNN-GDTX Buôn Hồ	22	18			16	2	18	1	11	6			13		12	1	13		12	1	13			12	1	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3				3		3		3		3		3			3		
	GIÁO VIÊN		11			11		11	1	8	2			9		9		9		9		9			9		
	NHÂN VIÊN		4			2	2	4		4				1		1	1	1		1	1	1			1		
46	Trung tâm GDNN-GDTX Cư M'gar	32	27			27		27	2	15	10			17		17		17		17		23			23		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3				3		3		3		3		3			3		
	GIÁO VIÊN		23			23		23	2	12	9			14		14		14		14		20			20		
	NHÂN VIÊN		1			1		1		1				1		1		1		1		1			1		
47	Trung tâm GDNN-GDTX Buôn Đôn	20	10			9	1	10		7	2	1		7		6	1	7		6	1	8			7	1	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3				2		2		2		2		2			2		
	GIÁO VIÊN		5			5		5		4	1			4		4		4		4		5			5		
	NHÂN VIÊN		2			1	1	2		2				1		1	1	1		1	1	1			1		
48	Trung tâm GDNN-GDTX Ea Súp	21	21			19	2	21	1	12	7	1		13		12	1	13		12	1	8			7	1	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3				2		2		2		2		2			2		
	GIÁO VIÊN		13			13		13	1	9	3			10		10		10		10		5			5		
	NHÂN VIÊN		5			3	2	5		4	1			1		1	1	1		1	1	1			1		
49	Trung tâm GDNN - GDTX Cư Kuin	24	21			14	7	21	1	10	9	1		14		11	3	14		11	3	6			3	3	
	QUẢN LÝ		3			1	2	3		1	2			3		1	2	3		1	2	3			1	2	
	GIÁO VIÊN		14			13	1	14	1	9	4			11		10	1	11		10	1	3			2	1	
	NHÂN VIÊN		4			4	4	4		3	1			1		1		1		1		1			1		
50	Trung tâm GDNN-GDTX Krông Bông	20	20	1		15	4	20	2	11	6	1		10		10		10		10		1			1		
	QUẢN LÝ		3	1		2		3	1	2				10		10		10		10		1			1		
	GIÁO VIÊN		13			13		13	1	9	3			10		10		10		10		1			1		

TT	Đơn vị/Vị trí việc làm	Số biên chế được giao	Số lượng viên chức hiện có					Cơ cấu tỷ lệ % CDNN viên chức theo vị trí việc làm					Nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng còn thiếu so với cơ cấu tỷ lệ %				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng đề nghị phê duyệt				Số lượng viên chức đăng ký xét thăng hạng				Ghi chú
			Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	
	NHÂN VIÊN		4			4	4			3	1														
51	Trung tâm GDNN-GDTX Krông Ana	18	16			13	3	16	1	9	6		12		10	2	12		10	2	10		8	2	
	QUẢN LÝ		1			1		1		1			1		1		1		1		1		1		
	GIÁO VIÊN		12			12		12	1	8	3		9		9		9		9		7		7		
	NHÂN VIÊN		3			3	3	3			3		2			2			2		2			2	
52	Trung tâm GDNN-GDTX Lắk	19	15	1	1	10	3	15	2	8	4	1	9		8	1	9		8	1	5		4	1	
	QUẢN LÝ		3	1		2		3	1	2			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		8		1	7		8	1	6	1		6		6		6		6		2		2		
	NHÂN VIÊN		4			1	3	4			3	1	1			1			1		1			1	
53	Trung tâm GDNN - GDTX Krông Pắc	29	28		1	25	2	28	2	15	11		18		16	2	18		16	2	18		16	2	
	QUẢN LÝ		2		1	1		2		2			1		1		1		1		1		1		
	GIÁO VIÊN		22			21	1	22	2	13	7		16		15	1	16		15	1	16		15	1	
	NHÂN VIÊN		4			3	1	4			4		1			1			1		1			1	
54	Trung tâm GDNN-GDTX Ea Kar	26	24			21	3	24	2	13	8	1	15		15		15		15		9		9		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		18			17	1	18	2	10	6		12		12		12		12		6		6		
	NHÂN VIÊN		3			1	2	3			2	1													
55	Trung tâm GDNN-GDTX M'Drắk	22	13			12	1	9	1	7		1	8		8		8		8		9		9		
	QUẢN LÝ		2			2		2		2			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		10			10		6	1	5			6		6		6		6		7		7		
	NHÂN VIÊN		1			1	1	1			1														
56	Trung tâm GDNN-GDTX Krông Búk	9	8			6	2	8		5	2	1	4		4		4		4		2		2		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		3			2	1	3		2	1		2		2		2		2						
	NHÂN VIÊN		2			1	1	2			1	1													
57	Trung tâm GDNN-GDTX Ea H'Leo	28	16			11	5	16	1	9	5	1	11		10	1	11		10	1	11		10	1	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		7			7		7	1	6			7		7		7		7		7		7		
	NHÂN VIÊN		6			1	5	6			5	1	1		1		1		1		1		1	1	
58	Trung tâm GDNN - GDTX Krông Năng	27	21		1	17	3	21	1	12	7	1	11		11		11		11		15		15		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		14		1	13		14	1	8	5		8		8		8		8		12		12		
	NHÂN VIÊN		4			1	3	4		1	2	1	1		1		1		1		1		1		
59	Trung tâm HTPT GDHN Trẻ khuyết tật	40	40			21	14	5	40	6	19	14	1	9	6	1	2	9	6	1	2	12	6	4	2
	QUẢN LÝ		3		3			3	3				3	3				3	3		3	3			
	GIÁO VIÊN		33			18	14	1	33	3	19	11		5	3	1	1	5	3	1	1	8	3	4	1
	NHÂN VIÊN		4			4	4	4			3	1	1		1	1				1	1			1	
60	Trường Cao đẳng Sư phạm	108	73		4	64	5	73	7	37	28	1	43		40	3	43		40	3	12		9	3	
	QUẢN LÝ		1		1			1		1															
	GIẢNG VIÊN		55		3	52		55	7	35	13		39		39		39		39		8		8		
	NHÂN VIÊN		17			12	5	17		1	15	1	4		1	3	4		1	3	4		1	3	
	Trường THSP Mầm non Hoa Hồng (trực thuộc Trường CDSP)		32		2	27	3	32	3	17	12		19		18	1	19		18	1	18		17	1	
	QUẢN LÝ		2			2		2		2			2		2		2		2		2		2		

TT	Đơn vị/Vị trí việc làm	Số biên chế được giao	Số lượng viên chức hiện có					Cơ cấu tỷ lệ % CDNN viên chức theo vị trí việc làm					Nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng còn thiếu so với cơ cấu tỷ lệ %				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng đề nghị phê duyệt				Số lượng viên chức đăng ký xét thăng hạng				Ghi chú
			Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	
	GIÁO VIÊN		27		2	24	1	27	3	15	9		17		16	1	17		16	1	16		15	1	
	NHÂN VIÊN		3			1	2	3			3														
61	TRƯỜNG PTĐTNT THPT N'TRANG LONG	53	52	1		45	6	52	5	27	19	1	31		31		31		31		28		28		
	QUẢN LÝ		3	1		2		3	1	2			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		42			42		42	4	25	13		29		29		29		29		26		26		
	NHÂN VIÊN		7			1	6	7			6	1													
62	Trường THPT Chuyên Nguyễn Du	97	95		1	91	3	95	9	49	37		60		57	3	60		57	3	52		49	3	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		88		1	87		88	9	45	34		53		53		53		53		45		45		
	NHÂN VIÊN		4			1	3	4		1	3		4		1	3	4		1	3	4		1	3	
63	Trường THPT LÊ DUẬN	70	70			65	5	70	6	37	26	1	43		42	1	43		42	1	40		39	1	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		62			62		62	6	34	22		40		40		40		40		37		37		
	NHÂN VIÊN		5			5	5	5			4	1	1			1	1			1	1		1	1	
64	Trường THPT Số 1 Trần Phú	67	65		1	59	5	65	7	33	24	1	41	1	39	1	41	1	39	1	46	1	44	1	
	QUẢN LÝ		3		1	2		3	1	2			3	1	2		3	1	2		3	1	2		
	GIÁO VIÊN		57			57		57	6	31	20		37		37		37		37		42		42		
	NHÂN VIÊN		5			5	5	5			4	1	1			1	1			1	1		1	1	
65	Trường THPT Cao Bá Quát	81	81	1	1	74	5	81	8	41	30	2	47		47		47		47		67		67		
	QUẢN LÝ		3	1		2		3	1	2			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		72		1	71		72	7	38	27		44		44		44		44		64		64		
	NHÂN VIÊN		6			1	5	6		1	3	2	1		1		1		1		1		1	1	
66	Trường THPT Lê Quý Đôn	96	95			90	5	95	9	49	36	1	60		58	2	60		58	2	79		77	2	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		87			87		87	9	46	32		55		55		55		55		74		74		
	NHÂN VIÊN		5			5	5	5			4	1	2			2	2			2	2		2	2	
67	Trường THPT Buôn Ma Thuột	93	92		1	86	5	92	8	48	35	1	57		54	3	57		54	3	53		50	3	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		84		1	83		84	8	45	31		52		52		52		52		48		48		
	NHÂN VIÊN		5			5	5	5			4	1	3			3	3			3	3		3	3	
68	Trường THPT Chu Văn An	89	85		1	79	5	85	8	43	33	1	52		49	3	52		49	3	50		47	3	
	QUẢN LÝ		2			2		2		2			1		1		1		1		1		1	1	
	GIÁO VIÊN		77		1	76		77	8	41	28		48		48		48		48		46		46		
	NHÂN VIÊN		6			1	5	6			5	1	3			3	3			3	3		3	3	
69	Trường THPT Hồng Đức	106	104			100	4	104	10	54	40		67		64	3	67		64	3	68		65	3	
	QUẢN LÝ		4			4		4		4			4		4		4		4		4		4	4	
	GIÁO VIÊN		94			94		94	10	49	35		59		59		59		59		60		60		
	NHÂN VIÊN		6			2	4	6		1	5		4		1	3	4		1	3	4		1	3	
70	Trường THPT Trần Đại Nghĩa	65	65		1	60	4	65	7	33	24	1	42	1	39	2	42	1	39	2	54	1	51	2	
	QUẢN LÝ		3		1	2		3	1	2			3	1	2		3		1	2	3	1	2	2	
	GIÁO VIÊN		57			57		57	6	30	21		36		36		36		36		48		48		
	NHÂN VIÊN		5			1	4	5		1	3	1	3		1	2	3		1	2	3		1	2	
71	Trường THPT Buôn Đôn	62	61			57	4	61	5	32	23	1	37		36	1	37		36	1	38		37	1	

TT	Đơn vị/Vị trí việc làm	Số biên chế được giao	Số lượng viên chức hiện có					Cơ cấu tỷ lệ % CDNN viên chức theo vị trí việc làm					Nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng còn thiếu so với cơ cấu tỷ lệ %				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng đề nghị phê duyệt				Số lượng viên chức đăng ký xét thăng hạng				Ghi chú	
			Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III		
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			2		2			2		2					
	GIÁO VIÊN		54			54			54	5	29	20		34		34			34		34					
	NHÂN VIÊN		4			4			4			1		1					1		1					
72	Trường THPT Hai Bà Trưng	56	56			51	5	29	21	1	36			34	2	36			34	2	47			45	2	
	QUẢN LÝ		2			2			2		2			2		2			2		2					
	GIÁO VIÊN		49			48	1	27	17		32			32		32			32		43				43	
	NHÂN VIÊN		5			1	4	5			2			2		2			2		2				2	
73	Trường THPT Huỳnh Thúc Kháng	64	57			55	2	30	21	1	35			35		35			35		39				39	
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3				3	
	GIÁO VIÊN		49			49		25	19		30			30		30			30		34				34	
	NHÂN VIÊN		5			3	2	5		2	2	1		2		2			2		2				2	
74	Trường THPT Buôn Hồ	77	73			70	3	37	28	1	45			44	1	45			44	1	49				48	1
	QUẢN LÝ		2			2			2		2			2		2			2		2				2	
	GIÁO VIÊN		67			67		35	25		42			42		42			42		46				46	
	NHÂN VIÊN		4			1	3	4			3	1		1		1			1	1					1	
75	Trường THPT Việt Đức	91	91			86	5	47	35	1	57			55	2	57			55	2	67				65	2
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3				3	
	GIÁO VIÊN		82			82		43	31		51			51		51			51		61				61	
	NHÂN VIÊN		6			1	5	6		1	4	1		3		1	2		3		1	2			3	
76	Trường THPT Y Jút	102	102			95	7	53	39	1	62			62		62			62		86				86	
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3				3	
	GIÁO VIÊN		92			92		50	33		59			59		59			59		83				83	
	NHÂN VIÊN		7				7	7			6	1														
77	Trường THPT Trần Quang Khải	53	52			47	5	28	19	1	32			32		32			32		34				34	
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3				3	
	GIÁO VIÊN		44			44		25	15		29			29		29			29		31				31	
	NHÂN VIÊN		5				5	5			4	1														
78	Trường THPT số 1 Nguyễn Trãi	67	66			66		34	26		41			40	1	41			40	1	35				34	1
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3				3	
	GIÁO VIÊN		59			59		29	24		35			35		35			35		30				30	
	NHÂN VIÊN		4			4		2	2		3			2	1	3			2	1	2				1	1
79	Trường THPT Cư M'gar	103	103			100	3	53	39	1	63			63		63			63		39				39	
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3				3	
	GIÁO VIÊN		95			95		50	35		60			60		60			60		36				36	
	NHÂN VIÊN		5			2	3	5			4	1														
80	Trường THPT Lê Hữu Trác	99	99			94	5	51	38	1	61			60	1	61			60	1	63				62	1
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3				3	
	GIÁO VIÊN		90			90		48	33		57			57		57			57		59				59	
	NHÂN VIÊN		6			1	5	6			5	1		1		1			1	1					1	
81	Trường THPT Trường Chinh	51	47			43	4	25	17	1	31			29	2	31			29	2	32				30	2
	QUẢN LÝ		3			3			3		3			3		3			3		3				3	
	GIÁO VIÊN		40			40		22	14		26			26		26			26		27				27	
	NHÂN VIÊN		4				4	4			3	1		2		2			2		2				2	
82	Trường THPT số 1 Phan Chu Trinh	70	68			64	4	35	26	1	43			41	2	43			41	2	33				31	2

TT	Đơn vị/Vị trí việc làm	Số biên chế được giao	Số lượng viên chức hiện có					Cơ cấu tỷ lệ % CDNN viên chức theo vị trí việc làm					Nhu cầu chi tiêu thặng hạng còn thiếu so với cơ cấu tỷ lệ %				Số lượng chi tiêu thặng hạng đề nghị phê duyệt				Số lượng viên chức đăng ký xét thặng hạng				Ghi chú
			Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	
	QUẢN LÝ		2			2					2		2		2		2		2		2				
	GIÁO VIÊN		62			62	6	33	23		39		39		39		39		29		29				
	NHÂN VIÊN		4			4	4		3	1	2		2	2	2		2		2		2				
83	Trường THPT Ea H'leo	75	70			70	69	6	37	26		41		41		41		41		32		32			
	QUẢN LÝ		4			4	4		4		2		2	2	2		2		2		2				
	GIÁO VIÊN		66			66	65	6	33	26		39		39		39		39		30		30			
	NHÂN VIÊN																								
84	Trường THPT Số 1 Nguyễn Thái Bình	52	52			47	5	52	4	28	19	1	33		32	1	33		32	1	34		33	1	
	QUẢN LÝ		3			3			3				3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		44			44	44	4	25	15		29		29		29		29		30		30			
	NHÂN VIÊN		5			5	5			4	1	1		1		1		1		1		1		1	
85	Trường THPT Trần Quốc Tuấn	71	69			65	4	69	6	36	26	1	43		42	1	43		42	1	38		37	1	
	QUẢN LÝ		3			3			3				3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		61			61	6	33	22				39		39		39		39		34		34		
	NHÂN VIÊN		5			1	4	5			4	1	1		1		1		1		1		1		
86	Trường THPT Trần Nhân Tông	66	66			61	5	66	6	34	25	1	41		40	1	41		40	1	48		47	1	
	QUẢN LÝ		3			3			3				3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		58			58	58	6	31	21		37		37		37		37		44		44			
	NHÂN VIÊN		5			5	5			4	1	1		1		1		1		1		1		1	
87	Trường THPT số 1 Ngô Gia Tự	90	90			85	5	90	8	47	34	1	57		54	3	57		54	3	39		36	3	
	QUẢN LÝ		3			3			3				2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN	33	82			82	8	44	30				52		52		52		52		34		34		
	NHÂN VIÊN		5			5	5			4	1	3		3		3		3		3		3		3	
88	Trường THPT Ea Rôk	56	41			37	4	41	3	21	15	1	25		24	1	25		24	1	16		15	1	
	QUẢN LÝ		2			2			2				2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN	14	35			35	35	3	19	12		22		22		22		22		13		13			
	NHÂN VIÊN		4			4	4			3	1	1		1		1		1		1		1		1	
89	Trường THPT Ea Súp	66	62			57	5	62	5	33	23	1	40		38	2	40		38	2	41		39	2	
	QUẢN LÝ		3			3			3				3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		54			54	54	5	30	19		35		35		35		35		36		36			
	NHÂN VIÊN		5			5	5			4	1	2		2		2		2		2		2		2	
90	Trường THPT số 1 Phạm Văn Đồng	49	49			45	4	49	4	26	18	1	32		30	2	32		30	2	36		34	2	
	QUẢN LÝ		3			3			3				3		3		3		3		3		3		
	GIÁO VIÊN		41			41	41	4	22	15		26		26		26		26		30		30			
	NHÂN VIÊN		5			1	4	5		1	3	1	3		1	2	3		1	2	3		1	2	
91	Trường THPT Hùng Vương	61	61			57	4	61	5	32	23	1	37		36	1	37		36	1	39		38	1	
	QUẢN LÝ		3			3			3				2		2		2		2		2		2		
	GIÁO VIÊN		53			53	53	5	29	19		34		34		34		34		36		36			
	NHÂN VIÊN		5			1	4	5		4	1	1		1		1		1		1		1		1	
92	Trường PTDTNT THPT Đam San	47	36	1	2	32	1	36	4	18	14		20		19	1	20		19	1	22		21	1	
	QUẢN LÝ		2	1		1		2	1	1		1		1		1		1		1		1		1	
	GIÁO VIÊN		33			31		33	3	17	13		18		18		18		18		20		20		
	NHÂN VIÊN		1			1	1	1		1		1		1		1		1		1		1		1	
93	Trường THPT Krông Ana	79	79	1		73	5	79	8	41	29	1	48		47	1	48		47	1	41		40	1	
	QUẢN LÝ		4	1		3		4	1	3			2		2		2		2		2		2		

TT	Đơn vị/Vị trí việc làm	Số biên chế được giao	Số lượng viên chức hiện có					Cơ cấu tỷ lệ % CDNN viên chức theo vị trí việc làm					Nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng còn thiếu so với cơ cấu tỷ lệ %				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng đề nghị phê duyệt				Số lượng viên chức đăng ký xét thăng hạng				Ghi chú				
			Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III					
	GIÁO VIÊN		69			69			69	7	38	24			45			45			45			38			38		
	NHÂN VIÊN		6			1	5	6			5	1			1			1			1			1			1		
94	Trường THPT Trần Hưng Đạo	53	44			40	4	44	4	23	16	1		27			26	1		27			26	1		11		10	1
	QUẢN LÝ		2			2		2		2				1			1			1			1			1		1	
	GIÁO VIÊN		37			37		37	4	20	13			24			24			24			24			8		8	
	NHÂN VIÊN		5			1	4	5		1	3	1		2			1	1		2			1	1		2		1	1
95	Trường THPT Krông Bông	85	85			83	2	85	8	44	33			52			50	2		52			50	2		42		40	2
	QUẢN LÝ		3			3		3		3				1			1			1			1			1		1	
	GIÁO VIÊN		80			80		80	8	41	31			49			49			49			49			39		39	
	NHÂN VIÊN		2				2	2			2			2						2			2			2		2	
96	Trường THPT Nguyễn Văn Cừ	51	46			42	4	46	4	24	18			29			28	1		29			28	1		24		23	1
	QUẢN LÝ		2			2		2		2				2			2			2			2			2		2	
	GIÁO VIÊN		40			40		40	4	22	14			26			26			26			26			21		21	
	NHÂN VIÊN		4				4	4			4			1						1			1			1		1	
97	Trường THPT Phan Đăng Lưu	58	57			55	2	57	5	30	22			35			35			35			35			51		51	
	QUẢN LÝ		3			3		3		3				3			3			3			3			3		3	
	GIÁO VIÊN		50			50		50	5	25	20			30			30			30			30			46		46	
	NHÂN VIÊN		4			2	2	4		2	2			2			2			2			2			2		2	
98	Trường THPT Số 1 Tôn Đức Thắng	48	41			36		41	4	21	16			26			25	1		26			25	1		22		21	1
	QUẢN LÝ		1			1		1		1				1			1			1			1			1		1	
	GIÁO VIÊN		35			35		35	4	20	11			24			24			24			24			20		20	
	NHÂN VIÊN		5				5	5			5			1						1			1			1		1	
99	Trường THPT Lý Tự Trọng	45	44			39	5	44	4	23	16	1		29			27	2		29			27	2		38		36	2
	QUẢN LÝ		3			3		3		3				3			3			3			3			3		3	
	GIÁO VIÊN		36			36		36	4	20	12			24			24			24			24			33		33	
	NHÂN VIÊN		5				5	5			4	1		2						2			2			2		2	
100	Trường THPT Số 1 Phan Bội Châu	81	81			75	6	81	7	43	30	1		52			50	2		52			50	2		49		47	2
	QUẢN LÝ		4			4		4		4				4			4			4			4			4		4	
	GIÁO VIÊN		71			71		71	7	39	25			46			46			46			46			43		43	
	NHÂN VIÊN		6				6	6			5	1		2						2			2			2		2	
101	Trường THPT số 1 Nguyễn Huệ	82	80			78	2	80	7	42	30	1		50			49	1		50			49	1		47		46	1
	QUẢN LÝ		3			3		3		3				3			3			3			3			3		3	
	GIÁO VIÊN		73			73		73	7	39	27			46			46			46			46			43		43	
	NHÂN VIÊN		4			2	2	4			3	1		1						1			1			1		1	
102	Trường THPT Số 1 Nguyễn Thị Minh Khai	42	42			37	5	42	3	23	15	1		28			26	2		28			26	2		31		29	2
	QUẢN LÝ		3			3		3		3				3			3			3			3			3		3	
	GIÁO VIÊN		34			34		34	3	20	11			23			23			23			23			26		26	
	NHÂN VIÊN		5				5	5			4	1		2						2			2			2		2	
103	Trường THPT Số 1 Lê Hồng Phong	69	69			64	5	69	6	36	26	1		43			42	1		43			42	1		28		27	1
	QUẢN LÝ		3			3		3		3				3			3			3			3			3		3	
	GIÁO VIÊN		61			61		61	6	33	22			39			39			39			39			24		24	
	NHÂN VIÊN		5				5	5			4	1		1						1			1			1		1	
104	Trường THPT Quang Trung	68	68	2		62	4	68	8	34	25	1		42			40	2		42			40	2		50		48	2

TT	Đơn vị/Vị trí việc làm	Số biên chế được giao	Số lượng viên chức hiện có					Cơ cấu tỷ lệ % CDNN viên chức theo vị trí việc làm					Nhu cầu chỉ tiêu thăng hạng còn thiếu so với cơ cấu tỷ lệ %				Số lượng chỉ tiêu thăng hạng đề nghị phê duyệt				Số lượng viên chức đăng ký xét thăng hạng				Ghi chú
			Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Hạng IV	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	Tổng số	Hạng I	Hạng II	Hạng III	
	QUẢN LÝ		3	2		1		3	2	1			1		1		1	1		1		1			
	GIÁO VIÊN		59			59		59	6	33	20		39		39		39	39		47		47			
	NHÂN VIÊN		6			2	4	6			5	1	2			2		2		2		2			
105	Trường THPT Số 1 Nguyễn Công Trứ	80	80			77	3	80	7	42	30	1	49		49		49	49		41		41			
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3	3		3		3			
	GIÁO VIÊN		72			72		72	7	39	26		46		46		46	46		38		38			
	NHÂN VIÊN		5			2	3	5			4	1													
106	Trường THPT số 1 Phan Đình Phùng	78	77			71	6	77	7	40	29	1	50		47	3	50	47	3	63		60	3		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3	3		3		3			
	GIÁO VIÊN		68			68		68	7	37	24		44		44		44	44		57		57			
	NHÂN VIÊN		6			6	6	6			5	1	3			3	3		3	3		3		3	
107	Trường THPT Nguyễn Bình Khiêm	80	80		1	74	5	80	7	42	30	1	48		48		48	48		61		61			
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3	3		3		3			
	GIÁO VIÊN		72		1	71		72	7	39	26		45		45		45	45		58		58			
	NHÂN VIÊN		5			5	5	5			4	1													
108	Trường THPT Lắc	74	72			68	4	72	6	38	27	1	46		44	2	46	44	2	51		49	2		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3	3		3		3			
	GIÁO VIÊN		65			65		65	6	35	24		41		41		41	41		46		46			
	NHÂN VIÊN		4			4	4	4			3	1	2			2	2		2	2		2		2	
109	Trường THPT Nguyễn Tất Thành	76	75			70	5	75	7	39	28	1	49		46	3	49	46	3	37		34	3		
1	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3	3		3		3			
2	GIÁO VIÊN		67			67		67	7	36	24		43		43		43	43		31		31			
	NHÂN VIÊN		5			5	5	5			4	1	3			3	3		3	3		3		3	
110	Trường THPT Võ Văn Kiệt	62	54			49	5	54	5	28	20	1	34		33	1	34	33	1	22		21	1		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3	3		3		3			
	GIÁO VIÊN		46			46		46	5	25	16		30		30		30	30		18		18			
	NHÂN VIÊN		5			5	5	5			4	1	1		1	1		1	1		1		1		
111	Trường THPT Nguyễn Chí Thanh	38	25			24	1	25	2	14	9		16		16		16	16		11		11			
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3	3		3		3			
	GIÁO VIÊN		21			21		21	2	11	8		13		13		13	13		8		8			
	NHÂN VIÊN		1			1	1	1			1														
112	Trường THPT Võ Nguyên Giáp	46	41			36	5	41	3	22	15	1	26		25	1	26	25	1	25		24	1		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3	3		3		3			
	GIÁO VIÊN		33			33		33	3	19	11		22		22		22	22		21		21			
	NHÂN VIÊN		5			5	5	5			4	1	1		1	1		1	1		1		1		
113	Trường: Trường THPT Số 1 Nguyễn Trường Tộ	41	34			31	3	34	3	18	12	1	23		21	2	23	21	2	28		26	2		
	QUẢN LÝ		3			3		3		3			3		3		3	3		3		3			
	GIÁO VIÊN		28			28		28	3	15	10		18		18		18	18		23		23			
	NHÂN VIÊN		3			3	3	3			2	1	2		2	2		2	2		2		2		
114	Trường Trung cấp Đắk Lắk	70	70			69	1	70	6	36	27	1	43		42	1	43	42	1	49		48	1		
	QUẢN LÝ		2			2		2		2			2		2		2	2		2		2			
	GIÁO VIÊN		50			50		50	6	20	24		26		26		26	26		32		32			
	NHÂN VIÊN		18			17	1	18		14	3	1	15		14	1	15	14	1	15		14	1		